

Số: ~~41~~.../BC-UBND

Tân Yên, ngày...~~06~~... tháng ~~7~~... năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2020

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Năm 2020, là năm cuối thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXI, nhiệm kỳ 2015-2020; thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020. Đầu năm 2020 dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên phạm vi toàn cầu đã gây ảnh hưởng nặng về kinh tế- xã hội; sản xuất công nghiệp theo chuỗi cung ứng bị gián đoạn, sản lượng công nghiệp tăng chậm; ngành dịch vụ, thương mại, giáo dục - đào tạo, y tế... chịu ảnh hưởng lớn; lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản gặp khó khăn; nhiều doanh nghiệp hoạt động cầm chừng, thu hẹp sản xuất; đời sống nhân dân bị tác động về mọi mặt. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thời tiết nắng nóng kéo dài, mưa đá, lốc xoáy,... diễn biến phức tạp có tác động không nhỏ đến nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Đứng trước tình hình đó, Huyện ủy đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo; UBND huyện đề ra nhiều giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020, qua 06 tháng triển khai thực hiện, UBND huyện báo cáo kết quả đạt được trên các lĩnh vực như sau:

I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; thu hút đầu tư và quản lý điện năng

- Sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp 6 tháng đầu năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên hoạt động của khá nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, hàng hóa xuất khẩu và tiêu thụ nội địa bị chậm; một số lĩnh vực bị ảnh hưởng lớn do liên quan đến nhập - xuất khẩu hàng qua biên giới như: Lĩnh vực may mặc, điện tử... Bên cạnh đó, một số ngành hàng sản xuất như VLXD, sản xuất giấy, bao bì vẫn duy trì sản xuất cơ bản ổn định, hầu như không bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

Đến thời điểm 30/6/2020, trên địa bàn huyện có tổng số 366 doanh nghiệp, trong đó có 281 doanh nghiệp đang hoạt động thường xuyên (chiếm 76,8%); số còn lại là doanh nghiệp mới thành lập chưa đi vào hoạt động, một số doanh nghiệp hoạt động cầm chừng và doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động. Trong số 281 doanh nghiệp đang hoạt động có 19 doanh nghiệp đề xuất cho giãn tiến độ nộp thuế, nộp tiền thuê đất với tổng số tiền phải nộp là 4,5 tỷ đồng. Một số doanh nghiệp bị ảnh hưởng lớn do dịch covid-19 như: Công ty TNHH M.Plus, Công ty TNHH Hansol Vina, Công ty TNHH Deayang Hà Nội, Công ty thời trang Vert, Công ty cổ phần đầu tư Sơn Hà ... Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp 6 tháng đầu năm ước đạt 769 tỷ đồng, đạt 41,6% so với kế hoạch, bằng 97,3% so với cùng kỳ.

- *Thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp*: Đã thu hút 03 dự án đầu tư mới vào địa bàn, tạo điều kiện điều chỉnh và giãn tiến độ đầu tư 11 dự án đầu tư. Thành lập mới 23 doanh nghiệp, đạt 92% kế hoạch, tăng 15% so với cùng kỳ, nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn huyện 366 doanh nghiệp.

- *Quản lý điện năng*: Tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng Dự án đường dây và trạm biến áp 110kV Tân Yên, tạo điều kiện cho chủ đầu tư thi công dự án theo kế hoạch. Đầu tư, nâng cấp lưới điện trên địa bàn được quan tâm, đảm bảo chất lượng nguồn điện, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sản xuất- kinh doanh, tiêu dùng của nhân dân; xây dựng mới 18TBA, 2,35 km đường dây trung thế, 31,82 km đường dây hạ thế, thay 35 cột điện hạ thế, sản lượng điện năng tiêu thụ là 97,31 triệu Kwh tăng 12,5% so với cùng kỳ.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng nông thôn mới

Sáu tháng đầu năm, thời tiết, thiên tai diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng, chất lượng lúa và một số loại cây rau màu. Dịch bệnh đàn vật nuôi trên địa bàn được kiểm soát chặt chẽ, không có dịch xảy ra trên địa bàn; thị trường tiêu thụ nông sản, thực phẩm khá thuận lợi; giá trị sản xuất ngành nông nghiệp tăng: Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đạt 2.899 tỷ đồng, bằng 63,8% kế hoạch, tăng 5,7% so với cùng kỳ, cụ thể:

- *Trồng trọt*: Tổng diện tích gieo trồng 6 tháng đầu năm 2020 là 12.774ha, bằng 61,1% KH năm, giảm 0,7% so với cùng kỳ¹. Tiếp tục duy trì 24 cánh đồng mẫu với quy mô từ 21-70ha/cánh đồng sản xuất lúa, rau màu cho hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất đại trà; 67 mô hình công nghệ cao sản xuất rau, hoa trong nhà màng và mô hình tưới tự động trên cây ăn quả, trong đó có 25 mô hình xây dựng mới, các mô hình sản xuất ổn định, phát triển tốt².

Cây ăn quả: Tổng diện tích là 3.468 ha, trong đó 2.700 ha cây ăn quả cho thu hoạch, tổng sản lượng đạt 28.000 tấn. Diện tích cây vải 1.329 ha, đạt 100% KH (vải sớm 1150 ha), sản lượng ước đạt 15.300 tấn (vải sớm 13.500 tấn, vải muộn 1.800 tấn), bằng 113,3 % KH, tăng 3,5% so cùng kỳ, giá trị ước đạt 382,5 tỷ đồng; vú sữa 42 ha, sản lượng 190 tấn, giá trị 6,08 tỷ đồng; cây ổi 210 ha, sản lượng 1.850 tấn, giá trị 22,2 tỷ đồng. Duy trì, mở rộng vùng cây ăn quả đạt tiêu chuẩn VietGap 353,3ha (trong đó, vải sớm 298ha, ổi 35,3 ha, bưởi 15ha, vú sữa 5 ha); vùng sản xuất vải sớm đạt tiêu chuẩn GlobalGap tại xã Phúc Hòa 5ha. Duy trì và mở rộng vùng sản xuất cây ăn quả theo quy trình VietGap đảm bảo chất lượng ATTP 1.500 ha.

- *Chăn nuôi, thủy sản*: Đàn trâu, bò, gia cầm, thủy sản phát triển ổn định; giá bán một số sản phẩm ổn định ở mức cao khuyến khích người chăn nuôi tiếp tục sản xuất, tái đàn³. Thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia

¹ Trong đó, Lúa 6.030 ha, đạt 47,4% KH, năng suất bình quân 54,2, sản lượng 32.682 tấn, giảm 5,1 tạ/ha so cùng kỳ; Lạc 1.812 ha, bằng 80,2% KH, năng suất 27,2 tạ/ha, sản lượng 4.928,6 tấn; Ngô lai 208 ha, bằng 69,3%KH, năng suất 32,4 tạ/ha, sản lượng 674 tấn; Khoai lang 330 ha, đạt 46,1%KH, năng suất 119 tạ/ha, sản lượng 3.927 tấn; Khoai tây 260,7ha, đạt 153,4%KH, năng suất 151,3 tạ/ha, sản lượng 3.944,4 tấn; Rau quả thực phẩm các loại 3.912 ha, bằng 137,7%KH, năng suất 154,5 tạ/ha, sản lượng 60.440 tấn.

² Các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao cho hiệu quả kinh tế cao hơn sản xuất thông thường từ 1,8- 2,5 lần.

³ Tổng đàn trâu 3.598 con đạt 101% KH, sản lượng thịt hơi 119,3 tấn, giảm 6,8% so với cùng kỳ; đàn bò 23.500 con, đạt 108,3% KH, tăng 9,6% so với cùng kỳ, sản lượng thịt hơi 640 tấn; đàn gia cầm 2.395 nghìn con đạt 85,5% KH, tăng 5,0% so cùng kỳ, sản lượng thịt hơi 3.750 tấn đạt 77,3 % KH; đàn lợn 178.600 con, tăng 20,3% so cùng kỳ, đạt 88,6% KH, sản lượng thịt hơi xuất chuồng 20.500 tấn, tăng 1,5% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt 25.009 tấn, đạt 72,5%KH, tăng 2,4% so với cùng kỳ. Diện tích nuôi thủy sản 1.360 ha, đạt 98,7% KH, sản lượng đạt 6.437,5 tấn, tăng 3,0% so với cùng kỳ.

cầm và thủy sản do vậy tình hình dịch bệnh trên đàn súc, gia cầm và thủy sản ổn định. Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện tháng tiêu độc, khử trùng; kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm vụ Xuân - Hè năm 2020⁴. Rà soát, thống kê, quản lý chặt chẽ đối với các cơ sở, các hộ buôn bán, giết mổ gia súc, gia cầm, sản phẩm gia súc, gia cầm trên địa bàn.

- Tổ chức tổng kết công tác PCTT, tìm kiếm cứu nạn năm 2019; triển khai phương án, kế hoạch PCTT-TKCN năm 2020; thực hiện hiệp đồng các lực lượng phục vụ công tác cứu hộ. Quản lý, bảo đảm an toàn công trình hồ chứa nước trong mùa mưa bão. Xử lý dứt điểm 2 trường hợp vi phạm hành lang đê theo kế hoạch và 03 trường hợp phát sinh mới.

3. Xây dựng nông thôn mới

Ngay từ đầu năm, UBND huyện đã chỉ đạo quyết liệt các tiêu chí về xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới; giao các ngành, thành viên BCD xây dựng nông thôn mới phụ trách các tiêu chí thường xuyên kiểm tra, rà soát, hoàn thiện hồ sơ minh chứng các tiêu chí hoàn thành, những tiêu chí cần tập trung cao. Tổ chức hội nghị xin ý kiến và tiếp thu ý kiến của Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị- xã hội và nhân dân hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện giai đoạn 2011 - 2020.

Chuẩn bị các điều kiện tổ chức làm việc với Đoàn công tác của Tỉnh, Trung ương về kiểm tra, thẩm định thực tế kết quả xây dựng huyện NTM. Kết quả, được Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh bỏ phiếu đề nghị xét công nhận huyện Tân Yên đạt chuẩn NTM, Đoàn thẩm định của Trung ương đánh giá cao trong việc xây dựng huyện nông thôn mới và được Ban chỉ đạo xây dựng NTM Trung ương bỏ phiếu và hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Tân Yên đạt chuẩn NTM. Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thôn NTM kiểu mẫu ở 06 thôn (*Hòa Minh - Hợp Đức, Trám - Phúc Sơn, Trung - Ngọc Thiện, Đông Sen - Việt Lập, Việt Hùng - Việt Ngọc, Vân Chung - Lam Cốt*) và xã Việt Lập đạt NTM nâng cao năm 2020.

3. Thương mại, dịch vụ: Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, 06 tháng đầu năm hoạt động thương mại- dịch vụ tốc độ phát triển chậm, một số hoạt động thương mại- dịch vụ doanh thu giảm sâu như: Dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống, dịch vụ karaoke,...; chủ yếu hoạt động kinh doanh các mặt hàng thiết yếu như: lương thực, thực phẩm, y tế, hàng tiêu dùng thiết yếu khác; Giá trị sản xuất thương mại- dịch vụ 6 tháng đầu năm ước đạt 1.720 tỷ đồng, đạt 38,6% KH, giảm 2,8% so với cùng kỳ.

4. Giao thông, xây dựng, quy hoạch

Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng các công trình trọng điểm phục vụ Đại hội đảng các cấp, các công trình phục vụ Đoàn thẩm định của Trung

⁴ Huyện cấp phát 5.800 lít hóa chất cho các xã, thị trấn để thực hiện phun khử trùng phòng, chống dịch bệnh trên đàn vật nuôi. Các xã, TT chủ động mua 234 lít hóa chất, 90 tấn vôi (đã sử dụng 52,71 tấn vôi); huy động 14.740 ngày công tham gia tiêu độc khử trùng vệ sinh môi trường. Kết quả tiêm phòng gia súc, gia cầm vụ xuân hè: vắc xin dại 28.900/28.000 liều đạt 103,21%KH, vắc xin THT trâu bò: 3.860/8.680 liều đạt 44,47%KH, vắc xin kép lợn: 5.250/10.250 liều đạt 51,22%, vắc xin tai xanh: 6.500/7.500 liều đạt 86,67%KH. vắc xin cúm gia cầm: 100.000/100.000 liều đạt 100% KH.

ương, Tỉnh thẩm định xây dựng huyện NTM; duy trì ổn định đầu tư phát triển của doanh nghiệp, của các tổ chức và nhân dân; tổng vốn đầu tư toàn xã hội 6 tháng đầu năm ước đạt 1.774 tỷ đồng, trong đó giá trị ngành xây dựng ước đạt 1.720 tỷ đồng, đạt 45,3% kế hoạch, tăng 1,5% so cùng kỳ.

Hoàn thiện Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000) đã được UBND tỉnh phê duyệt. Lập quy hoạch chung xây dựng thị trấn Việt Lập, huyện Tân Yên, đến năm 2035 (tỷ lệ 1/5.000); cắm mốc tim đường và chỉ giới đường đỏ theo điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Cao Thượng mở rộng và các vùng phụ cận đến năm 2035 (tỷ lệ 1/5000); điều chỉnh quy hoạch chi tiết đồ án xây dựng khu dân cư Tiến Phan, thị trấn Nhã Nam (tỷ lệ 1/500); điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư OM7- thị trấn Cao Thượng (tỷ lệ 1/500); điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên (tỷ lệ 1/500). Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư đô thị phía Đông thị trấn Cao Thượng quy mô 62 ha; lập quy hoạch chi tiết khu đô thị mới phía Đông Nam, thị trấn Nhã Nam với quy mô 75ha. Rà soát, điều chỉnh hoàn thiện các quy hoạch phát triển giao thông hạ tầng nông thôn mới và đô thị tạo động lực phát triển kinh tế- xã hội.

Đề xuất UBND tỉnh bổ sung vào quy hoạch giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang thời kỳ năm 2021 đến 2030 các tuyến kết nối QL37 - QL17- Thái Nguyên như: Tuyến đường từ xã Thượng Lan, Việt Tiến huyện Việt Yên, Ngọc Vân, Song Vân, Đại Hóa, Lan Giới huyện Tân Yên, Tiến Thắng, Tam Tiến, Canh Nậu huyện Yên Thế; Tuyến nối Lạng Giang - Tân Yên - Việt Yên; Tuyến Song Vân - An Dương - Phúc Hòa - Đào Mỹ - Vôi huyện Lạng Giang; Tuyến Hương Mai (Việt Yên) - Song Vân - Phúc Sơn (Tân Yên); Tuyến Cao Thượng - Phúc Hòa huyện Tân Yên đi Tân Sỏi - Đồng Hưu huyện Yên Thế; Bổ sung quy hoạch kéo dài đoạn tuyến từ điểm đầu ngã ba Đình Nẻo đi Chấn Sơn sang Tân Trung kết nối ra đường tỉnh 294 với chiều dài bổ sung 8km.

Căn cứ vào đề nghị của UBND các xã, thị trấn về tiếp tục cứng hóa đường giao thông nông thôn sau khi Nghị quyết số 07 của HĐND tỉnh đã kết thúc, UBND huyện đã đề nghị Huyện ủy, HĐND huyện bổ sung thực hiện 75 công trình với tổng chiều dài 27,44 km đường giao thông nông thôn, tương ứng 6.178,3 tấn xi măng với số tiền là 8,4 tỷ đồng (bao gồm tiền xi măng và kinh phí vận chuyển) từ nguồn ngân sách huyện.

Công tác quản lý Nhà nước về xây dựng cơ bản trên địa bàn được quan tâm chỉ đạo thực hiện đúng, kịp thời các quy định thủ tục hành chính, thời gian tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận Một cửa; 6 tháng đầu năm đã thẩm định 70 công trình, qua thẩm định đã cắt giảm 1,057 tỷ đồng; thẩm định, cấp GPXD đối với 66 công trình; nghiệm thu hồ sơ 09 công trình XD CB.

5. Tài chính, ngân hàng

Sáu tháng đầu năm, UBND huyện tập trung chỉ đạo, thực hiện các giải pháp điều hành quản lý và tổ chức thực hiện dự toán NSNN, tăng cường các giải pháp thực hiện nhiệm vụ thu NSNN. Đảm bảo nguồn lực cho hoàn thành mục tiêu huyện về đích nông thôn mới; nguồn lực phục vụ cho công tác phòng chống dịch

bệnh, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng do dịch Covid -19 được đáp ứng kịp thời. Tổng thu ngân sách 6 tháng đầu năm ước đạt 718,25 tỷ đồng, đạt 89,5% KH huyện giao, tăng 10,1% so với cùng kỳ; trong đó: thu trên địa bàn là 136,9 tỷ đồng, đạt 54,3% KH huyện giao⁵. Chi ngân sách trên cơ sở tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo kinh phí cho thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội; chi ngân sách 6 tháng đầu năm ước đạt 524,9 tỷ đồng, đạt 67,2% KH huyện giao (trong đó, chi thường xuyên là 394,9 tỷ đồng; chi đầu tư XD CB 130 tỷ đồng).

Việc triển khai giải ngân nguồn vốn mục tiêu xây dựng nông thôn mới được các xã, thị trấn quan tâm thực hiện kịp thời, tổng số vốn đầu tư đã giải ngân 40.714 /87.910 triệu đồng, đạt 46,3% kế hoạch; trong đó, ngân sách trung ương 30.655 triệu đồng, ngân sách tỉnh 7.035 triệu đồng; ngân sách huyện 3.023 triệu đồng.

Hoạt động của ngân hàng và các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện nghiêm túc quy định chỉ đạo về lãi suất, áp dụng mức lãi suất cho vay hợp lý trên cơ sở lãi suất huy động, thực hiện đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ. Các ngân hàng đã phối hợp thực hiện giảm nợ, khoan nợ đối với một số doanh nghiệp trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19. Tổng huy động vốn ước đạt 3.864,4 tỷ đồng, tăng 610,4 tỷ đồng so với cùng kỳ; dư nợ tín dụng 2.100 tỷ đồng, tăng 268,5 tỷ đồng so với cùng kỳ⁶; nợ xấu 17,6 tỷ đồng bằng 0,84% so với tổng dư nợ⁷.

6. Tài nguyên và môi trường

Hoàn thành công tác kiểm kê đất đai năm 2019, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất của huyện năm 2020. Tổ chức thu hồi 6,7 ha đất để chuyển mục đích sang giao đất, cho thuê đất thực hiện các dự án phát triển kinh tế- xã hội, đạt 92% so với cùng kỳ; lập hồ sơ cho 04 chủ dự án thuê đất với diện tích 5.441,8m² để thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất⁸.

Công tác đo đạc bản đồ địa chính, cấp giấy CNQSD đất, chỉnh lý biên động được quan tâm thực hiện: Triển khai đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính xã Quang Tiến, Lam Cốt; cấp 3.123 GCNQSD đất cho các tổ chức, cá nhân theo quy định⁹; chỉnh lý biên động đất đai được 1.895 trường hợp (tăng 159 trường hợp so với cùng kỳ). Tổ chức 02 phiên đấu giá quyền sử dụng đất, tổng số lô trúng đấu giá 150 lô, số tiền 71,17 tỷ đồng (giảm 3 phiên, giảm 243,8 tỷ đồng so với cùng kỳ). Tăng cường công tác kiểm tra xử lý vi phạm trong lĩnh vực đất đai, 06 tháng đầu năm có 17 trường hợp vi phạm đất đai (giảm 06 vụ so với cùng kỳ), ban hành quyết định xử phạt hành chính 5 trường hợp, số tiền 15 triệu đồng, 12 trường hợp

⁵ Trong đó, tiền đất 79,8 tỷ đồng, đạt 53,2%KH; tiền thuê đất 6,5 tỷ đồng, đạt 258,0%KH, thuế NQD 16,1 tỷ đạt 50,0%KH; thu nhập cá nhân 8,4 tỷ đạt 92,9% KH; lệ phí trước bạ 16,2 tỷ đạt 38,0%KH; phí, lệ phí 2,8 tỷ đạt 70,3%KH; thu khác ngân sách 4,0 tỷ đồng, đạt 51,6%KH; thu tại xã 1,8 tỷ đồng, đạt 69,1%KH.

⁶ Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT: Huy động vốn 3.001 tỷ đồng; dư nợ tín dụng 1.306 tỷ đồng; Ngân hàng Đông Á: Huy động vốn 215 tỷ đồng; dư nợ tín dụng 150 tỷ đồng; Ngân hàng đầu tư và phát triển: Huy động vốn 270 tỷ đồng; dư nợ tín dụng 350 tỷ đồng; Quỹ tín dụng lam Cốt: Huy động vốn 55,2 tỷ đồng; dư nợ tín dụng 47,3 tỷ đồng; Quỹ tín dụng Việt Ngọc: Huy động vốn 157 tỷ đồng; dư nợ tín dụng 125 tỷ đồng; Quỹ tín dụng Ngọc Châu: Huy động vốn 29 tỷ đồng; dư nợ tín dụng 35 tỷ đồng; Quỹ tín dụng Nhã Nam: Huy động vốn 117 tỷ đồng; dư nợ tín dụng 112 tỷ đồng; ngân hàng chính sách: Huy động vốn 20,4 tỷ đồng; dư nợ tín dụng 17,8 tỷ đồng.

⁷ Trong đó, Ngân hàng NN&PTNT 16,124 tỷ đồng; các quỹ tín dụng: 1,47 đồng.

⁸ Dự án xây dựng bệnh viện của Công ty TNHH Bệnh viện Anh Quát; cửa hàng xăng dầu của Công ty TNHH Minh Huy; hộ ông Trần Công Phương thuê đất tại xã Việt Ngọc; ông Vi Quý Lan thuê đất tại thị trấn Cao Thượng.

⁹ Trong đó, cấp lần đầu 495 giấy, đạt 74%KH; cấp đổi 562 giấy, đạt 89%KH; cấp sau đo đạc bản đồ địa chính 388 giấy; cấp sau dồn đổi ruộng 1.678 giấy.

còn lại lập biên bản đình chỉ và thực hiện việc trả lại hiện trạng ban đầu cho đất; vận động 570 hộ dân hiến trên 45.000m² đất để làm đường giao thông; tổ chức vận động nhân dân hiến đất, tài sản trên đất để cải tạo, nâng cấp đường QL17 đoạn Km 72+500 - Km 88 huyện Việt Yên và Tân Yên.

Thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Nghị quyết số 100-NQ/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với việc huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường; UBND huyện ban hành Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 31/3/2020 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 100-NQ/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy. Kết quả đã huy động các đoàn thể nhân dân và các tổ chức, cơ quan đơn vị đóng trên địa bàn ra quân tổng vệ sinh “*Ngày thứ 7 xanh, Ngày Chủ nhật sạch*” đối với toàn bộ các thôn, khu phố trên địa bàn huyện với gần 10.000 lượt người tham gia mỗi tuần, xử lý được trên 1.000m³ rác, bụi cây, đất cát tồn đọng ven đường, nạo vét được 30 km kênh mương, trồng 6.000 cây xanh, 15 km đường hoa, xử lý hết các điểm tồn lưu tại khu An Huy, khu cầu Điểm Tổng, điểm giáp ranh xã Phúc Hòa- TT Cao Thượng. Tiếp tục thực hiện Đề án thu gom, phân loại rác thải trên địa bàn, tập trung cao điểm tại thị trấn Cao Thượng. Tổ chức kiểm tra, quan trắc giám sát môi trường đối với 15 cơ sở chăn nuôi lợn có quy mô trên địa bàn huyện.

II. VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Văn hóa - Thông tin - thể thao

Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tổ chức các hoạt động chào mừng kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam và mừng xuân Canh Tý 2020; tuyên truyền phòng, chống dịch Covid-19; tuyên truyền huyện về đích Nông thôn mới gắn với tuyên truyền Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng⁽¹⁰⁾. Chỉ đạo các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện có hiệu quả tiêu chí 5.2 về văn hóa trong xây dựng huyện Nông thôn mới⁽¹¹⁾. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và công tác gia đình đạt nhiều kết

¹⁰ Kết quả tuyên truyền: Đại truyền thanh xã, thị trấn xây dựng 1.182 chương trình phát thanh; tổ chức tiếp sóng 3.439 buổi qua hệ thống phát thanh của xã và các thôn, tổ dân phố, trang trí 1266 chiếc băng rôn qua đường, trung bày, niêm yết 2.408 tranh cổ động, áp phích các loại; 38.133 chiếc cờ tổ quốc; 4528 chiếc cờ hội, cờ mừng các loại; Riêng Trung tâm VH-TT&TT huyện đã biên tập 110 chương trình phát thanh với 1.580 tin, bài; 177 ảnh trên Cổng thông tin điện tử huyện; duy trì 22 trang tin địa phương của đài xã, thị trấn; duy trì 12 phóng sự ngắn trên đài truyền hình tỉnh; 60 tin, bài trên bản tin thời sự của Đài truyền hình tỉnh; 06 bài trên trang địa phương Báo Bắc Giang. **Riêng tuyên truyền về chủng mới do virus Corona gây ra:** Đối với các xã, thị trấn: Tổ chức trên 50 buổi tập huấn, trang trí 536 pano, apphich; phát 47.157 tờ rơi tuyên truyền về phòng chống dịch; Đài truyền thanh các xã, thị trấn tuyên truyền trên hệ thống phát thanh, truyền thanh 4.320 lượt, tuyên truyền lưu động trên xe loa trên 200 lượt; Đối với các thôn, khu phố truyền truyền trên hệ thống loa truyền thanh trên 50.000 lượt. Riêng trung tâm VH-TT&TT đã tổ chức tuyên truyền trực quan bằng băng bangzon trên các tuyến đường khu TT huyện; tuyên truyền bằng xe loa 05 lượt trên địa bàn huyện; Số tin, bài phát trên sóng phát thanh của huyện: 130 tin, bài phát trên 56 chương trình. Số tin, bài tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử huyện là: 75 tin, bài và mở thêm chuyên trang “Phòng, chống dịch Covid 19” trên Cổng TTĐT đồng thời tăng cường đăng tải thông tin chính thống về dịch bệnh với số lượng trên 1.000 người truy cập/ngày...

¹¹ Chỉ đạo Phòng VH&TT hoàn thiện hồ sơ tiêu chí 5.2 về văn hóa; hoàn thiện 1.000m đường bích họa tại thôn Hợp Tiến (TT Cao Thượng) và thôn Hòa Minh (Hợp Đức); phát 430 cờ NTM, 1.500 cơ hồng kỳ cho các xã Quế Nham, Việt Lập, TT Cao Thượng, Phúc Hòa, Liên Sơn, TT Nhã Nam nhằm phục vụ tuyên truyền dọc tuyến đường Trung ương về thăm định; xây dựng được 6 điểm truyền truyền cổ định, 6 pa nô khổ nhỏ và 02 biển tuyên truyền khổ lớn, sửa chữa Cổng chào điện tử của huyện tại xã Quế Nham; xây dựng phim phóng sự về đích NTM và hoàn thiện bộ ảnh trưng bày huyện về đích NTM. Chỉ đạo Trung tâm VH-TT&TT huyện sửa chữa các hạng mục công trình: SVD, Nhà thi đấu, góc trưng bày Huyện về đích NTM tại Nhà truyền thống huyện. Chỉ đạo các xã Hợp Đức, Liên Sơn và 02 TT Nhã Nam, TT Cao Thượng hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, hệ thống tuyên truyền trực quan và các điều kiện khác nhằm phục vụ đoàn Trung ương về thăm định Huyện về đích NTM.

quả⁽¹²⁾. Công tác quản lý di sản văn hóa tiếp tục được quan tâm⁽¹³⁾. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị Sở Văn hóa, thể thao và du lịch công nhận điểm du lịch cấp tỉnh K12, chùa Tứ Giáp- thị trấn Nhã Nam; công bố quy hoạch chi tiết Đồi văn hóa kháng chiến xã Quang Tiến. Phong trào TDTT tiếp tục được duy trì và phát triển như: Duy trì hoạt động 5 lớp năng khiếu TDTT của tỉnh trên địa bàn; duy trì tập luyện 10 lớp năng khiếu thể thao (*bóng đá, điền kinh, vật, cầu lông, đá cầu*) nhằm đào tạo bồi dưỡng nguồn vận động viên cho đội tuyển huyện. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội⁽¹⁴⁾.

Các hoạt động chấn chỉnh, xử lý biển quảng cáo vi phạm pháp luật trên địa bàn được tăng cường⁽¹⁵⁾; chỉ đạo, đôn đốc các doanh nghiệp viễn thông tiếp tục thực hiện việc ngầm hóa, chỉnh trang bó gọn cáp thông tin trên địa bàn huyện⁽¹⁶⁾; Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong gửi nhận văn bản điện tử được các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt; tỷ lệ văn bản điện tử trung bình đạt trên 96%. Chỉ đạo 11 xã, thị trấn triển khai sửa chữa, nâng cấp Đài truyền thanh cơ sở theo Đề án 23/ĐA-UBND của UBND huyện và nâng cấp Đài Truyền thanh huyện. Xây dựng kế hoạch tổ chức 02 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức CNTT và kỹ năng xây dựng Trang địa phương cho cán bộ Đài truyền thanh cơ sở.

2. Công tác Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện nghiêm công tác phòng chống dịch Covid-19 trong trường học; đồng thời chỉ đạo, tổ chức dạy học bằng các hình thức qua internet; lắp đặt bổ sung 136 công trình bồn nước rửa tay cho giáo viên, học sinh. Chỉ đạo các trường học chuẩn bị tốt các điều kiện đón học sinh trở lại trường học đảm bảo an toàn; thực hiện chương trình và thời gian năm học theo khung điều chỉnh của Sở GD&ĐT đảm bảo hoàn thành chương trình năm học trước ngày 15/7/2020. Huy động cán bộ giáo viên ủng hộ các lao động hợp đồng mất việc làm trong ngành được trên 230 triệu đồng.

Tổ chức 08 lớp bồi dưỡng cho 100% cán bộ quản lý, giáo viên cấp tiểu học chuẩn bị cho thay sách giáo khoa lớp 1 năm học 2020-2021; trang bị cho các trường tiểu học thiết bị đồ dùng dạy học lớp 1 chuẩn bị thực hiện chương trình sách giáo khoa mới năm học 2020-2021. Tập trung bồi dưỡng cho học sinh tham dự các cuộc thi HSG cấp quốc gia, cấp tỉnh; kết quả thi học sinh giỏi xếp thứ 3/10

¹² Kết quả đăng ký các danh hiệu văn hóa năm 2020: Gia đình văn hoá 44.800/47.654 hộ (đạt 94,01 %); LVH-KPVH 317/317 đơn vị đăng ký LVH-KPVH cấp huyện (đạt 100%); Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa 185/211 đơn vị đăng ký CQĐCVH (đạt 87,6%); 100% các xã đạt chuẩn văn hóa NTM; 02 thị trấn đăng ký thị trấn văn minh đô thị.

¹³ Chỉ đạo xã Ngọc Châu tổ chức thành công lễ hội đền Trùng và chỉ đạo xã Việt Lập tổ chức thành công lễ đón Bằng công nhận di tích cấp lịch sử văn hóa cấp tỉnh đình Nguyễn, còn các lễ hội khác trên địa bàn chỉ đạo dừng tổ chức do phòng chống dịch Covid-19; Chỉ đạo 04 xã hoàn thiện hồ sơ đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí tu bổ tôn tạo di tích năm 2020: Chùa Non Tiên (Cao Thượng), Đình Vững (Hợp Đức), Đình Lành Tranh (Liên Chung), Chùa Phúc Sơn (Cao Xá), Nghè Lý Cốt (Phúc Sơn).

¹⁴ Trên địa bàn có 382 đám cưới trong đó có 28 đám cưới được tổ chức tại nhà văn hóa, 356 việc tang (*trong đó có 68 trường hợp hỏa táng*) thực hiện theo nếp sống văn minh.

¹⁵ Chỉ đạo 22/22 xã, thị trấn đã đồng loạt tổ chức thực hiện, thời gian từ: 10/3 đến hết ngày 15/4/2020, kết quả như sau: Yêu cầu tự tháo dỡ: 917 biển; làm lại mới: 77 biển hiệu; tổ chức cưỡng chế: 61 biển hiệu. Số còn lại, các xã, thị trấn tiếp tục tổ chức vận động các cơ sở thực hiện theo đúng yêu cầu của pháp luật quy định. Ngoài ra, các xã, thị trấn tổ chức nhiều đợt ra quân xóa bỏ quảng cáo rao vặt, toàn huyện và đã xóa, gỡ bỏ được 1.759 quảng cáo vi phạm viết, vẽ, dán trên các bờ tường, trụ điện, cây xanh...

¹⁶ Đến nay, VNPT Bắc Giang đang chủ trì, phối hợp với Viettel, FBT, Mobifone đang triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng và tiến hành hạ ngầm các tuyến cáp cùng với công tác chỉnh trang đô thị với tổng chiều dài khoảng 04km trên địa bàn thị trấn Nhã Nam. Thực hiện bó gọn các tuyến cáp với tổng chiều dài khoảng 15km trên tuyến đường đoàn TW về kiểm tra thăm định, công nhận huyện Nông thôn mới tại Quê Nham, Việt Lập, TT Cao Thượng, Hợp Đức, Phúc Hòa, Liên Sơn, TT Nhã Nam.

huyện thành phố (08 giải KK quốc gia; 03 giải nhất, 19 giải nhì, 40 giải ba, và 33 giải KK cấp tỉnh), Hội khỏe Phù Đổng xếp thứ 1/10 huyện thành phố. Tổ chức cho 350 giáo viên tiểu học thi giáo viên giỏi cấp huyện vòng 1, đã công nhận cho 305 giáo viên đạt GVG vòng 1.

Cơ sở, vật chất các nhà trường được quan tâm; có 01 trường công nhận đạt chuẩn mới, 07 trường công nhận lại (*chuẩn mức 2 đối với 3 trường*), nâng tỷ lệ trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 97,3%. Hoàn thành đưa vào sử dụng 5 phòng học; 34 phòng học và 02 khu hiệu bộ đang triển khai xây dựng, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 98,5%.

3. Lao động, việc làm và thực hiện chính sách xã hội

Thực hiện nghiêm túc các chính sách an sinh xã hội, các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa”; thăm và tặng quà các đối tượng người có công, hộ gia đình chính sách; vận động Tết vì người nghèo và trợ cấp đột xuất cho hộ nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn⁽¹⁷⁾. Giải quyết việc làm mới cho 1.558 lao động, đạt 49% KH (*trong đó xuất khẩu lao động 102 người, đạt 31,9% KH*); tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 71,3%. Tổ chức thăm tặng quà cho trẻ em các xã, thị trấn nhân dịp tết Thiếu nhi 01/6. Chỉ đạo các xã, thị trấn rà soát hỗ trợ kịp thời cho các hộ gia đình bị thiếu lương thực, thực phẩm do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, các hộ ảnh hưởng của các đợt thiên tai.

Thực hiện chi trả xong kinh phí hỗ trợ đợt 1 cho 23.110 trường hợp bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 đủ điều kiện với số tiền 23.774.250.000 đồng¹⁸; tiếp tục rà soát, tổng hợp đề nghị hỗ trợ các trường hợp đủ điều kiện do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Thẩm định in, cấp thẻ BHYT cho hộ nghèo trên 3.000 người, hộ cận nghèo 7.900 người, hộ gia đình có mức sống trung bình 49.000 người, đối tượng BTXH 4.200 người.

4. Y tế, dân số, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân được quan tâm thực hiện; UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện, UBND các xã, thị trấn tập trung cao cho việc phòng chống dịch Covid-19, thực hiện duy trì trực phòng chống dịch, quản lý, giám sát chặt chẽ hằng ngày, sẵn sàng các phương án đáp ứng khi có ca bệnh nghi nhiễm xảy ra, thực hiện nghiêm các biện pháp phòng chống dịch đối với các doanh nghiệp, người sử dụng lao động trên địa bàn.

Tập huấn, hướng dẫn rà soát hàng ngày người địa phương từ nước ngoài trở

¹⁷ Thực hiện tốt cuộc vận động "Tết vì người nghèo" tổng số quà vận động được 1473 suất, số tiền 736.500.000 đồng, đạt 100% hộ nghèo được tặng quà 2756 suất quà hộ cận nghèo, số tiền 696.400.000 đồng, 314 suất quà đối tượng trẻ em, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, số tiền 110.550.000 đồng, 500 thùng mì tơn Hào Hóa, 160 suất quà, số tiền 500 nghìn đồng/ suất cho công nhân, viên chức, người lao động khó khăn, Liên đoàn lao động huyện tặng 400 suất quà cho công nhân lao động, tổng số tiền 20 triệu đồng. Quà Chúc thọ, mừng thọ của Chủ tịch huyện 2640 suất, số tiền 1.077.100.000 đồng.

Chuyển quà đến các xã, thị trấn để cấp cho đối tượng theo quy định: Quà Chủ tịch nước: Loại 400.000đ: 116 suất = 46.400.000đ; Loại 200.000đ: 4431 suất = 886.200.000đ; Quà Chủ tịch tỉnh (mức 700.000đ) 4547 suất = 3.181.900.000đ; Quà của huyện: Tổng số 53 suất quà thăm tặng các cơ quan, đơn vị trực tết, trị giá 106.000.000đ; 371 suất quà trị giá 208.000.000đ thăm tặng các cá nhân; ủy quyền cho các xã, thị trấn thăm tặng 100 NCC là TBB, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CĐHH từ 81% trở lên, số tiền 50.000.000đ.

¹⁸ Trong đó, đối tượng người có công với cách mạng 2.941 người, tổng số kinh phí hỗ trợ 4.399.500.000 đồng; đối tượng BTXH 5.732 người, tổng kinh phí hỗ trợ 8.559.750.000 đồng; số nhân khẩu thuộc hộ nghèo 3.577 người, tổng kinh phí hỗ trợ 2.678.750.000 đồng; số nhân khẩu thuộc hộ cận nghèo 10.853 người, tổng số kinh phí hỗ trợ 8.137.000.000 đồng

về nước, người nước ngoài vào địa phương⁽¹⁹⁾. Tuyên truyền, vận động không để công dân của địa phương lao động trái phép ở nước ngoài, đặc biệt là sang Trung Quốc và những nước có dịch. Giao thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống dịch Corona huyện thực hiện kiểm tra, giám sát các xã, thị trấn được phân công phụ trách, đồng thời kiểm tra chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân về phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn⁽²⁰⁾. Tổ chức giao ban hàng tuần với tỉnh, huyện để đánh giá, kiểm điểm công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19. Chỉ đạo rà soát, cách ly các trường hợp liên quan đến dịch bệnh và nguy cơ lây nhiễm đi từ vùng có dịch thực hiện các biện pháp cách ly theo quy định⁽²¹⁾.

Tăng cường các biện pháp quản lý hành nghề y, dược tư nhân, an toàn thực phẩm, đảm bảo vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường; 6 tháng đầu năm không có vụ ngộ độc thực phẩm xảy ra trên địa bàn. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99,5%; tỷ lệ suy dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi đạt 12,4%. Tổng số trẻ được sinh ra 6 tháng đầu năm là 1.230 trẻ, giảm 69 trẻ so với cùng kỳ; tỷ số nam/nữ là 114/100 giảm 5 điểm so cùng kỳ.

III. CÔNG TÁC NỘI CHÍNH

1. Công tác tư pháp, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật

Công tác tư pháp được quan tâm chỉ đạo xây dựng, triển khai các kế hoạch trong lĩnh vực tư pháp, hộ tịch, xây dựng văn bản, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, bồi thường nhà nước, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2020. Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật quy định về Luật Phòng chống tác hại của rượu, bia và Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; giới thiệu Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện. Chỉ đạo đội ngũ tuyên truyền viên các xã, thị trấn thường xuyên viết tin bài tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên hệ thống truyền thanh. Các tổ hòa giải ở cơ sở tổ chức hòa giải 58 vụ việc, hòa giải thành 47/58 vụ đạt 81%.

Các thủ tục hành chính được thực hiện kịp thời theo đúng quy định, cụ thể: đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài 03 trường hợp; thu hồi, hủy bỏ đăng ký khai sinh 02 trường hợp; thay đổi cải chính hộ tịch 57 trường hợp.

Công tác xử lý vi phạm hành chính có chuyển biến, ngay từ đầu năm, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 109/KH-UBND ngày 31/12/2019 triển khai thực hiện nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn huyện, các cơ quan, đơn vị và UBND xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ đã chủ động tổ chức thực hiện;

¹⁹ Kết quả tổ chức tập huấn phòng chống dịch: 01 lớp tập huấn cho các thành viên Ban chỉ đạo phòng, chống dịch covid-19 huyện; 06 lớp tập huấn cho 22/22 xã, thị trấn về công tác thực hiện cách ly y tế, giám sát, tuyên truyền phòng, chống dịch cho Lãnh đạo, các thành viên Ban chỉ đạo, Trưởng thôn khu phố; 05 lớp cho lãnh đạo, giáo viên, cán bộ nhà trường và nhân viên y tế trường học.

²⁰ Kết quả kiểm tra: kiểm tra 20 công ty, doanh nghiệp trên địa bàn đều chấp hành tốt việc thực hiện phòng chống dịch cho người lao động. Kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính 68 trường hợp không thực hiện quy định của pháp luật về phòng chống dịch bệnh ở người với tổng số tiền 13,6 triệu đồng. Thực hiện kiểm tra về hành nghề y, dược tư nhân đối với 13 cơ sở hành nghề y, dược và kiểm tra an toàn thực phẩm đối với 09 cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ dịch vụ ăn uống và kinh doanh thực phẩm theo kế hoạch, xử phạt 02 cơ sở với số tiền 3 triệu đồng.

²¹ Kết quả rà soát: Người nước ngoài 50, thực hiện cách ly y tế tập trung: 02 người; thực hiện cách ly y tế tại nơi lưu trú: 05 người. Người địa phương, phải cách ly y tế tập trung tại tỉnh: 136 người; phải cách ly tại hộ gia đình: 2.357 người. Tất cả các trường hợp đều hết thời gian cách ly.

các vụ việc vi phạm xảy ra cơ bản đã được phát hiện và xử lý kịp thời, đúng thẩm quyền và trình tự. Trong 6 tháng đầu năm 2020, tổng số vụ xử phạt vi phạm hành chính là 1.699 vụ, ban hành 1.760 quyết định xử phạt, tổng số tiền xử phạt 1.882.824.000 đồng; giảm 753 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tăng 253.443.000 đồng so với cùng kỳ. Áp dụng biện pháp xử lý hành chính 26 trường hợp, giảm 02 trường hợp so cùng kỳ.

2. Công tác thanh tra, phòng, chống tham nhũng; tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Trong 6 tháng đầu năm, đã triển khai 4/6 cuộc, đạt 66,67% so với kế hoạch, trong đó: 02 cuộc thanh tra đã kết thúc, 02 cuộc thanh tra đang tiến hành; tổng số tiền phát hiện vi phạm qua thanh tra 224,1 triệu đồng, trong đó kiến nghị thu hồi 149 triệu đồng, kiến nghị giảm trừ giá trị xây lắp khi quyết toán 75,1 triệu đồng. Qua thanh tra, đã kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với 17 cá nhân, 07 chủ đầu tư; xử phạt đối với 07 đơn vị, thu nộp ngân sách 60 triệu đồng. Công tác phòng, chống tham nhũng đảm bảo tính công khai minh bạch.

Trong 6 tháng đầu năm số buổi có công dân đến tiếp, số lượt người đến phản ánh, kiến nghị giảm so với cùng kỳ; toàn huyện tiếp dân 97 buổi, với 151 lượt người đến phản ánh 147 vụ việc. Tiếp nhận 109 đơn, trong đó: 06 đơn trùng không đủ điều kiện xử lý; hướng dẫn công dân gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết 01 đơn; đơn thuộc thẩm quyền giải quyết 102 đơn (KN 03, TC 15, ĐN 84); đơn tồn kỳ trước chuyển sang 09 đơn (KN 1, TC 3, ĐN 5). Tổng số đơn phải giải quyết trong kỳ là 111 đơn (KN 04, TC 18, ĐN 89); đã giải quyết được 106/111 đơn, bằng 95,5%.

3. Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính

Hoàn thành tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước huyện giai đoạn 2011-2020. Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch công tác cải cách hành chính năm 2020, trọng tâm là đẩy mạnh cải cách TTHC, tạo môi trường thuận lợi, minh bạch cho hoạt động của người dân và doanh nghiệp. Thường xuyên chỉ đạo rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính mới được ban hành; cập nhật kịp thời quy trình nội bộ giải quyết TTHC trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử cấp huyện, cấp xã; chỉ đạo công tác xây dựng, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn tiến hành rà soát, cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật, bộ TTHC mới được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, quy trình nội bộ của các Sở ban hành năm 2020 để thực hiện chỉnh sửa quy trình, tài liệu theo quy định.

Tổ chức Lễ công bố Nghị quyết của UBND tỉnh về thành lập thị trấn Cao Thượng, thị trấn Nhã Nam huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Quyết định sắp xếp công chức cấp xã sau khi thực hiện việc nhập các đơn vị hành chính. Điều động công an chính quy về đảm nhiệm chức danh Trưởng Công an xã. Chỉ đạo tổ chức bầu cử trưởng thôn, khu phố nhiệm kỳ 2020-2022; kết quả đã bầu được 311/317

thôn, còn 06 thôn chưa bầu được²²; tỷ lệ đảng viên là trưởng thôn đạt 67,65%.

Tổ chức thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ chủ chốt các xã, thị trấn sau Đại hội Đảng bộ các xã, thị trấn, tổng số 21 người. Tổ chức kiểm tra việc thực thi công vụ 12 cuộc tại các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện và UBND các xã, thị trấn, qua kiểm tra đã xử lý một số cán bộ công chức xã vi phạm quy định về thực thi công vụ; cho thôi việc 01 trường hợp do vi phạm việc có sử dụng rượu bia vào buổi trưa. Xử lý kỷ luật với hình thức khiển trách đối với 01 cán bộ xã; hình thức cảnh cáo đối với 01 cán bộ xã. Bổ nhiệm 01 lãnh đạo đơn vị sự nghiệp thuộc UBND huyện; bổ nhiệm lại 01 lãnh đạo quản lý cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện, 01 cán bộ quản lý trường học; kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo quản lý trường học 01 trường hợp.

Công tác đào tạo bồi dưỡng tiếp tục được chú trọng, 6 tháng đầu năm đã cử cử 07 cán bộ, công chức thuộc Huyện ủy, UBND huyện, các xã, thị trấn tham gia khóa đào tạo bồi dưỡng kiến thức quốc phòng đối tượng 3 năm 2020; 29 cán bộ, công chức tham gia lớp đào tạo bồi dưỡng chức danh lãnh đạo quản lý cấp phòng; 22 công chức Văn phòng - Thống kê các xã, thị trấn tham gia lớp bồi dưỡng kỹ năng tham mưu, tổng hợp kiến thức pháp luật về phòng chống tham nhũng và văn hóa công vụ trong thực thi nhiệm vụ.

4. Công tác quốc phòng, quân sự địa phương

Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu ở cơ quan, đơn vị. Tổ chức hội nghị hiệp đồng phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn với các đơn vị quân đội, công an và các xã, thị trấn trên địa bàn. Triển khai công tác đăng ký người sẵn sàng nhập ngũ, động viên quân nhân dự bị theo đúng kế hoạch; hoàn thành công tác tuyển quân năm 2020 giao cho 04 đơn vị với 300/300 công dân; đón nhận và đăng ký vào ngạch dự bị 293 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương; hoàn thành 100% chỉ tiêu tập huấn, huấn luyện cho các đối tượng năm 2020 theo kế hoạch.

Phối hợp, tuyển chọn và hoàn chỉnh 31 hồ sơ đủ điều kiện dự thi tuyển sinh vào các trường cao đẳng, đại học trong quân đội năm 2020. Tiếp nhận và xét duyệt 07 bộ hồ sơ thương binh; 120 bộ hồ sơ theo Quyết định 49; 15 bộ hồ sơ theo quyết định 62; 03 bộ hồ sơ liệt sỹ. Xây dựng hệ thống văn bản và tổ chức thành công diễn tập phòng chống dịch bệnh Covid-19.

5. Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn cơ bản ổn định; trật tự an toàn xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; lực lượng chức năng và chính quyền địa phương đã chú trọng công tác phòng ngừa và đấu tranh quyết liệt với các loại tội phạm nên một số loại tội phạm giảm. *Tuy nhiên*, tội phạm về ma túy tăng, nguyên nhân là do các lực lượng chức năng tổ chức bắt được nhiều đối tượng buôn bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, cụ thể đã bắt 21 vụ, 26 đối tượng phạm tội về ma túy (*tăng 11 vụ, 16 đối tượng so với cùng kỳ*); phạm pháp hình sự xảy ra 31 vụ (*tăng 08 vụ so cùng kỳ đều là tội phạm về ma túy*); chết người chưa rõ nguyên nhân xảy ra 05 vụ, 05 người

²² Trong đó, 02 thôn quyết định chỉ định Trưởng thôn, 02 thôn chưa bầu lần 1, 02 thôn chưa bầu lần 2.

chết (tăng 2 vụ, 2 người chết do bệnh lý và tự sát); đuối nước xảy ra 03 vụ, 04 người chết. Tai nạn khác xảy ra 02 vụ cháy, thiệt hại khoảng 370 triệu đồng.

Tăng cường chỉ đạo công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về trật tự xã hội, đã tổ chức điều tra, xác minh làm rõ 27/31 vụ phạm tội về trật tự xã hội xảy ra; bắt 13 vụ, 60 đối tượng hoạt động cờ bạc (đã khởi tố 5 vụ, 27 bị can; xử lý hành chính 8 vụ, 33 đối tượng); đấu tranh thành công 01 chuyên án môi giới mại dâm (khởi tố 01 vụ, 01 đối tượng); bắt, vận động đầu thú được 04 đối tượng có Quyết định truy nã.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền pháp luật về an toàn giao thông; mở 04 đợt cao điểm tuần tra, kiểm soát, bảo đảm trật tự ATGT nhằm giảm thiểu tai nạn giao thông. Tai nạn giao thông xảy ra 11 vụ, 06 người chết, 07 người bị thương (số người chết bằng so với cùng kỳ năm 2019).

Tập trung xử lý đối với xe chở hàng quá khổ, quá tải tham gia giao thông (yêu cầu cắt phần thành thùng vi phạm, hạ phần hàng quá tải...), do vậy tình hình xe chở hàng quá khổ, quá tải trên địa bàn đã giảm rõ rệt; kết quả 6 tháng đầu năm 2020 đã kiểm tra, xử lý 924 trường hợp vi phạm, xử phạt thu nộp ngân sách 840.825.000 đồng. Tổ chức kiểm tra các điều kiện an toàn PCCC đối với 145 lượt cơ sở, qua kiểm tra phát hiện xử lý 10 trường hợp vi phạm, ra quyết định xử phạt nộp kho bạc nhà nước 44,2 triệu đồng.

Tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn, thường xuyên tiến hành rà soát công dân thuộc diện cách ly tập trung, cách ly tại nhà trên địa bàn. Quyết định xử phạt vi phạm hành chính 01 trường hợp, thu nộp ngân sách 10 triệu đồng do đăng tải nội dung không đúng sự thật về dịch Covid-19 lên mạng xã hội. Thực hiện tốt công tác bảo đảm ANTT tại khu cách ly phòng, chống dịch Covid-19 của tỉnh tại xã Quế Nham.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Mặc dù trong bối cảnh khó khăn chung về dịch bệnh Covid-19; thiên tai, thời tiết diễn biến phức tạp, song với sự quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, HĐND huyện; sự quản lý, điều hành của UBND huyện, 6 tháng đầu năm 2020 tình hình kinh tế - xã hội của huyện vẫn đạt được nhiều kết quả khả quan; năng suất, sản lượng một số loại cây trồng đạt khá (vải, vú sữa, ổi,...), giá trị ngành chăn nuôi tăng, thủy sản phát triển ổn định; các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp kịp thời đã khuyến khích các hộ dân đầu tư sản xuất; duy trì tốt việc sản xuất nông nghiệp hàng hóa trên các cánh đồng mẫu; thu ngân sách nhà nước đảm bảo cho đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn và đảm bảo các hoạt động chính trị của huyện; công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 được thực hiện hiệu quả; chỉ đạo quyết liệt việc hoàn thành các tiêu chí xây dựng huyện NTM được Tỉnh, Trung ương đánh giá cao trong công tác xây dựng huyện NTM. Phối hợp chỉ đạo thành công Đại hội các chi, đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ 2020-2025; thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội; 100% hộ nghèo và một số hộ khó khăn được hỗ trợ trong dịp Tết Nguyên đán và các đối tượng bị ảnh hưởng do đại dịch Covid -19; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam và các hoạt động phục vụ nhân dân đón

Tết Nguyên đán Canh Tý được tổ chức thực hiện tốt. Công tác cải cách hành chính được tăng cường; hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và đạt nhiều kết quả tích cực; ý thức chấp hành văn hóa công sở trong cán bộ, công chức được nâng lên.

Tuy nhiên, trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội huyện còn có một số tồn tại hạn chế, như sau:

1. Tồn tại, hạn chế

1.1. Lĩnh vực kinh tế

Sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp ngành may mặc, điện tử, du lịch, vận tải gặp nhiều khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid -19 đã ảnh hưởng đến các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện 6 tháng đầu năm 2020.

Năng suất lúa vụ chiêm Xuân giảm so với cùng kỳ; đầu tư của doanh nghiệp liên kết sản xuất theo chuỗi khép kín còn hạn chế; công tác chỉ đạo tái đàn vật nuôi ở cơ sở chưa chặt chẽ, việc chỉ đạo và quản lý tái đàn lợn còn chậm.

Tiến độ giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị An Huy, thị trấn Cao Thượng; dự án cải tạo nâng cấp QL17 còn chậm; việc quản lý chất lượng XDCB còn hạn chế; vi phạm trật tự xây dựng còn diễn ra ở một số đơn vị. Việc triển khai thực hiện các dự án tạo quỹ đất để đấu giá QSD đất ở các xã còn chậm. Công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên môi trường còn chưa đồng bộ, chưa có giải pháp hữu hiệu. Giải phóng hành lang, lòng đường, vỉa hè ở các xã, thị trấn chưa quyết liệt; hiện tượng tái lấn chiếm lòng đường vỉa hè còn diễn ra nhất là ở các xã, thị trấn có chợ. Thu phí trước bạ chưa đạt kế hoạch.

1.2. Lĩnh vực Văn hóa- xã hội

Tình trạng đuối nước trẻ em có chiều hướng tăng, BCD các xã, thị trấn chưa có nhiều giải pháp, trong chỉ đạo còn chưa quyết liệt để hạn chế việc đuối nước đối với trẻ em; giải quyết việc làm mới, xuất khẩu lao động trên địa bàn chưa đạt kế hoạch. Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 đã được tập trung chỉ đạo quyết liệt song các xã, thị trấn chưa nắm chắc số lượng đối tượng cần theo dõi, cách ly theo quy định; một số thành viên BCD huyện, xã, thị trấn chưa sâu sát trong công tác phòng chống dịch.

Trong GDĐT Một số trường quá hạn kiểm tra công nhận chuẩn quốc gia nhưng chưa có sự tập trung chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cơ sở để bổ sung các điều kiện về cơ sở vật chất đảm bảo các yêu cầu công nhận chuẩn, như: Tiểu học Ngọc Thiện 1, THCS Việt Lập.

Việc Chỉ đạo hoạt động ngầm hóa, chỉnh trang, bó gọn cáp viễn thông còn chậm, việc chỉ đạo dẹp bỏ quảng cáo sai phạm trên địa bàn thực hiện còn chưa quyết liệt.

1.3. Lĩnh vực Nội chính

Một số cơ quan, đơn vị, UBND các xã chưa quyết liệt, xử lý triệt để các trường hợp vi phạm hành chính đã được phát hiện qua kiểm tra, thanh tra; việc

thực hiện các quy định về đấu giá tài sản ở một số cơ quan, đơn vị được giao thực hiện chưa đúng quy định như: thời gian gia hạn nộp tiền, niêm yết việc đấu giá tài sản còn thiếu hình thức và phương thức đấu giá,...

Phân loại, xử lý đơn thư ở một số cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn còn chậm, chưa thực hiện tốt việc tiếp công dân theo định kỳ; việc nắm tiến độ, đôn đốc giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo còn hạn chế; giải quyết đơn ở một số đơn vị chưa đảm bảo trình tự, thủ tục.

Tình hình an ninh trật tự tuy đã được kiểm chế nhưng một số loại tội phạm vẫn diễn biến phức tạp, như: tội phạm trộm cắp, đánh người gây thương tích; công tác phòng ngừa và đấu tranh xử lý một số loại tội phạm còn hạn chế; tai nạn, va chạm giao thông chưa giảm.

Công tác chỉ đạo bầu cử Trưởng thôn, khu phố ở một số xã, thị trấn chưa sát thực tế, việc chuẩn bị nhân sự chưa tốt; tỷ lệ đảng viên trúng cử Trưởng thôn, khu phố ở một số đơn vị đạt thấp (67,65%); còn 06 thôn chưa bầu được trưởng thôn.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

Dịch bệnh Covid - 19 đã ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh và đời sống sinh hoạt của người dân; một số lĩnh vực sản xuất, kinh doanh bị ảnh hưởng như: dịch vụ du lịch, vận tải, sản xuất công nghiệp may mặc, điện tử, xuất khẩu lao động.

Thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng lúa vụ chiêm và một số loại rau màu; dịch tả lợn Châu Phi còn tiềm ẩn dẫn đến tâm lý đầu tư tái đàn của người chăn nuôi còn hạn chế. Dịch Covid-19, Thiên tai, giông lốc làm thiệt hại cơ sở vật chất nhiều trường học, việc lùi thời gian học của học sinh dẫn đến HS phải học trong thời gian nắng nóng phần nào đó ảnh hưởng đến chất lượng học tập.

Đại hội các chi, đảng bộ cơ sở nhiệm kỳ 2020-2025 diễn ra trong thời gian 06 tháng đầu năm 2020 phần nào đã ảnh hưởng đến tâm lý và công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cán bộ lãnh đạo cơ sở ở một số đơn vị.

Hệ thống văn bản pháp luật về quản lý chuyên ngành còn chậm được điều chỉnh, dẫn đến việc áp dụng thực hiện trong thực tế có mặt còn hạn chế. Một số tổ chức, cá nhân nhận thức và hiểu biết về quy định của pháp luật còn hạn chế.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Năng lực chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị có mặt còn hạn chế, chưa quyết liệt. Công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực còn chưa sâu sát, thiếu kiểm tra, đôn đốc. Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ chưa chặt chẽ.

Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật của một số cấp ủy đảng, chính quyền, lãnh đạo cơ quan, đơn vị trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính, các quy định về trật tự ATGT còn chưa đầy đủ, chưa kịp thời.

Việc chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ của một số người dân chưa cao, vẫn còn tình trạng tái lấn chiếm lòng đường, vỉa hè làm nơi kinh doanh, bán hàng.

Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND xã, thị trấn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2020

Để phấn đấu thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, UBND huyện tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Tập trung đơn đốc, rà soát các nhiệm vụ trọng tâm để hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXI nhiệm kỳ 2015-2020; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020; Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ, các nghị quyết của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện về những giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2020 đã đề ra.

2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, trật tự xây dựng đối với các dự án đầu tư vào địa bàn, các công trình xây dựng đã được phê duyệt. Rà soát kế hoạch phát triển KTXH và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường GPMB, tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án: Cải tạo, nâng cấp QL 17; đường tỉnh 294 đoạn từ Tân Sỏi - Yên Thế đi Phúc Sơn - Tân Yên; dự án khu đô thị An Huy, thị trấn Cao Thượng; phối hợp với BQL các công trình giao thông tỉnh chuẩn bị các điều kiện để tổ chức thi công các tuyến đường vào năm 2020 như: Tỉnh lộ 298, đường phía Tây của huyện; đường Việt Yên-Tân Yên-Lạng Giang, đường vành đai V. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Triển khai đồng bộ các giải pháp đẩy mạnh phát triển sản xuất kinh doanh, tăng cường xúc tiến đầu tư vào địa bàn.

3. Đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đảm bảo chất lượng ATTP, ứng dụng công nghệ cao. Mở rộng diện tích cây ăn quả, rau quả chế biến, rau quả thực phẩm, trang trại, vùng nuôi thủy sản đạt tiêu chuẩn VietGap. Duy trì phát triển sản xuất trên cánh đồng mẫu, vùng sản xuất hàng hóa tập trung có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm. Tập trung phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm, thủy sản. Làm tốt công tác PCTT-TKCN năm 2020; chủ động ứng phó khi có sự cố xảy ra. Chuẩn bị tốt các điều kiện tổ chức Lễ công bố huyện đạt chuẩn nông thôn mới vào ngày 26/7/2020. Xây dựng kế hoạch NTM nâng cao giai đoạn 2021- 2025; hướng dẫn các xã thực hiện thôn NTM kiểu mẫu, xã NTM nâng cao.

4. Rà soát, quản lý các nguồn thu, cân đối các nguồn thu trên địa bàn, thực hiện quyết liệt các biện pháp tăng thu, chống thất thu ngân sách, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2020. Đẩy nhanh tiến độ tổ chức đấu

giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất phân đấu hoàn thành kế hoạch giao thu tiền đất năm 2020; thu triệt để thuế ngoài quốc doanh, phí trước bạ, thuế đối với các phương tiện kinh doanh vận tải. Quản lý chi ngân sách nhà nước đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; quyết toán ngân sách, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định.

5. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 51-NQ/HU ngày 26/7/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy đối với công tác quản lý đất đai trên địa bàn; Thông báo số 480-TB/TU ngày 20/12/2018 và Kết luận số 208-KL/TU ngày 18/7/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số vướng mắc, bất cập trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn. Đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận QSD đất, chỉnh lý biến động đất đai; tập trung giải phóng mặt bằng một số dự án khu dân cư, đô thị. Thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết số 100-NQ/HU ngày 16/3/2020 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc huy động toàn dân tập trung thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường. Triển khai lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021- 2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2021.

6. Tiếp tục tuyên truyền và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước trong năm 2020 và tuyên truyền Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025 và hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tổ chức Đại hội thi đua yêu nước nhiệm kỳ 2020-2025; lễ Kỷ niệm 75 năm giải phóng Đồi Phủ gắn với đón huyện Tân Yên đạt chuẩn NTM. Tiếp tục triển khai thực hiện dự án Đồi văn hóa kháng chiến tại xã Quang Tiến; sửa chữa, nâng cấp Chùa Tứ Giáp thị trấn Nhã Nam; chấn chỉnh các hoạt động quảng cáo trên địa bàn. Tập trung ứng dụng CNTT vào quản lý điều hành, xây dựng Chính quyền điện tử, xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4.

Chỉ đạo hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ năm học 2019-2020. Phối hợp chỉ đạo kỳ thi Trung học phổ thông, thi tuyển sinh lớp 10 đảm bảo an toàn, hiệu quả. Chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới lớp 1 từ năm học 2020-2021. Tổ chức tổng kết 5 năm việc thực hiện quyết định 281/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020.

7. Thực hiện tốt chính sách người có công và an sinh xã hội trên địa bàn; tuyển sinh đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động. Tiếp tục rà soát, thẩm định, tổng hợp các nhóm đối tượng thuộc diện gặp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/4/2020 về tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 trong tình hình mới; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới.

8. Tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức. Nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ của người đứng đầu và ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đẩy mạnh cải cách hành chính,

trong đó trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế “một cửa, một cửa liên thông điện tử” ở tất cả các cơ quan hành chính từ huyện đến cơ sở theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC cho công dân. Kiện toàn bộ máy tổ chức và cán bộ sau Đại hội Đảng bộ cấp xã, huyện và sắp xếp, bố trí đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên hành chính các trường học năm học 2020-2021 bảo đảm đủ tỷ lệ, cơ cấu bộ môn theo quy định.

9. Tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; bảo đảm an toàn trước, trong và sau Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII, nhiệm kỳ 2020-2025. Hoàn chỉnh công tác chuẩn bị và tham gia Hội thi Doanh trại chính qui sáng- xanh- sạch- đẹp năm 2020; hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác động viên, huấn luyện, hội thi, hội thao cho lực lượng vũ trang; công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo quy định; triển khai công tác sơ, khám tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2021 và thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Tăng cường đấu tranh trấn áp các loại tội phạm; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn, kiềm chế, không để tội phạm gia tăng; đẩy lùi nạn trộm cắp, cờ bạc, ma túy. Tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên địa bàn; xử lý nghiêm các phương tiện vận tải vi phạm trên địa bàn. Tăng cường công tác giải quyết đơn thư KNTC, xử lý vi phạm hành chính; tập trung triển khai các cuộc thanh tra theo quyết định điều chỉnh, bổ sung kế hoạch năm.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2020./.


Nơi nhận:

- Đại biểu HĐND tỉnh khu vực Tân Yên;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XIX;
- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Văn phòng UBND tỉnh, Sở KH&ĐT tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Huyện ủy, UBND huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVVP ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Dương Ngô Mạnh

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày 06/8/2020 của UBND huyện)



Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 6 tháng đầu năm 2020	So sánh	
						ƯTH6/2020/TH6/2019	ƯTH 6/2020/KH 2020
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP						
1	Tổng giá trị sản xuất (giá HH)	Tỷ đồng	6,997	14,656	7,108	101.6	48.5
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	2,743	4,546	2,899	105.7	63.8
	- Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	2,485	5,650	2,489	100.2	44.1
	- Dịch vụ, thương mại	Tỷ đồng	1,769	4,460	1,720	97.2	38.6
2	Cơ cấu GTSX theo ngành kinh tế	%	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	39.2	31.0	40.8	-	-
	- Công nghiệp - Xây dựng	%	35.5	38.6	35.0	-	-
	- Dịch vụ	%	25.3	30.4	24.2	-	-
3	Giá trị sản xuất bình quân đầu người	Tr.đồng	39.9	83.7	40.5	101.6	48.4
4	Giá trị sản xuất bình quân 1ha canh tác	Tr.đồng	101	162	107	101.0	67.5
5	Thu - chi ngân sách	Tr. đồng					
a)	Thu ngân sách	"	652.3	802.4	718.3	110.1	89.5
	Thu ngân sách trên địa bàn	"	289.4	252.1	136.9	47.3	54.3
	Trong đó: Thu không tính tiền đất	"	55.0	103.9	57.1	103.8	55.0
b)	Chi ngân sách		429.5	780.8	524.9	122.2	67.2
	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	98.5	135.0	130.0	132.0	96.3
	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	331.0	648.8	394.9	119.3	60.9
6	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	1,734	3,560	1,774	102.3	49.8
	- Vốn ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	224	410	224	100.0	54.6
	- Đầu tư của các doanh nghiệp	Tỷ đồng	195	200	140	71.8	70.0
	- Đầu tư trong dân cư	Tỷ đồng	1,315	2,950	1,410	107.2	47.8
B	MỘT SỐ CHỈ TIÊU KT CHỦ YẾU						
I	NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN						
1	Giá trị SX nông, lâm, thủy sản (Giá HH)	Tỷ đồng	2,743	4,546	2,899	105.7	63.8
	- Nông nghiệp	"	2,540	4,138	2,665	104.9	64.4
	+ Trồng trọt	"	1,246	1,890	1,285	103.1	68.0
	+ Chăn nuôi	"	1,230	2,150	1,311	106.6	61.0
	+ Dịch vụ nông nghiệp	"	64	98	69	107.8	70.4
	- Lâm nghiệp	"	17.0	23.0	18.5	108.8	80.4
	- Thủy sản	"	186.0	385.0	215.0	115.6	55.8
2	Diện tích một số cây trồng chủ yếu						
	- Lúa cả năm	Ha	6,062.0	12,630.0	6,030.0	99.5	47.7
	- Ngô lai	Ha	293.0	300.0	208.0	71.0	69.3
	- Khoai tây	Ha	171.0	170.0	260.7	152.5	153.4

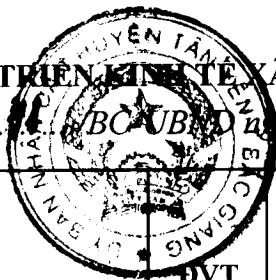
Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 6 tháng đầu năm 2020	So sánh	
						ƯTH6/2020/TH 6/2019	ƯTH 6/2020/KH 2020
	- Khoai lang	Ha	382.0	716.0	330.0	86.4	46.1
	- Lạc	Ha	1,866.0	2,260.0	1,812.0	97.1	80.2
	- Rau quả thực phẩm các loại	Ha	3,692.5	4,306.0	3,912.0	105.9	90.8
	* Cây vải	Ha	1,329.0	1,300.0	1,329.0	100.0	102.2
3	Lâm nghiệp rừng	Ha	15.0	36.0		0	0
4	Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu						
	- Lúa cả năm	Tấn	35,948	73,250	32,682.0	90.9	44.6
	- Ngô lai	Tấn	937	966	674.0	71.9	69.8
	- Khoai tây	Tấn	2,559	2,045	3,944.4	154.1	192.9
	- Khoai lang	Tấn	4,527	8,363	3,927.0	86.7	47.0
	- Lạc	Tấn	5,017	6,091	4,928.4	98.2	80.9
	- Rau quả thực phẩm các loại	Tấn	57,600	66,398	60,440.0	104.9	91.0
	* Cây Vải	Tấn	14,784	13,500	15,300.0	103.5	113.3
5	Chăn nuôi						
	- Tổng đàn trâu (trung bình năm)	con	3,860.0	3,560.0	3,598.0	93.2	101.1
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	128.0	202.0	119.3	93.2	59.1
	- Tổng đàn bò (trung bình năm)	con	21,450	21,700	23,500	109.6	108.3
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	500.0	960.0	640.0	128.0	66.7
	- Tổng đàn lợn (trung bình năm)	1000con	148.5	201.5	178.6	120.3	88.6
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	20,200	28,500	20,500	101.5	71.9
	- Tổng đàn gia cầm các loại	1000 con	2,280	2,800	2,395	105.0	85.5
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	3,600	4,850	3,750	104.2	77.3
	Tổng sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	24,428	34,512	25,009	102.4	72.5
6	Thủy sản						
	- Diện tích nuôi, trồng thủy sản	Ha	1,365.0	1,378.0	1,360.0	99.6	98.7
	+ Diện tích thâm canh, bán thâm canh	Ha	1,265.0	1,265.0	1,265.0	100.0	100.0
	+ Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	Tấn	6,250.0	8,850.0	6,437.5	103.0	72.7
7	XD cánh đồng mẫu	CĐ	22.0	24.0	24.0	109.1	100.0
8	Số xã đạt xã NTM mới	Xã	1.0	5.0	5.0	500.0	100.0
II	CÔNG NGHIỆP - XÂY DỰNG						
1	Giá trị sản xuất CN-TTCN -XD (Giá HH)	Tỷ đồng	2,485	5,650	2,489	100.2	44.1
a)	Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp	"	790.0	1,850.0	769.0	97.3	41.6
	+ Ngoài quốc doanh	"	790.0	1,850.0	769.0	97.3	41.6
b)	Xây dựng	"	1,695	3,800	1,720	101.5	45.3
2	Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu						
	Gạch máy	Triệu v	102.0	146.0	101.1	99.1	69.2
	Sản phẩm may mặc	1000SP	12,500	18,900	11,000	88.0	58.2
III	DỊCH VỤ						

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	UTH 6 tháng đầu năm 2020	So sánh	
						UTH6/2020/TH 6/2019	UTH 6/2020/KH 2020
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (giá HH)	Tỷ đồng	1,860	4,900.0	2,150.0	115.6	43.9
2	Giá trị thương mại, dịch vụ (giá HH)	Tỷ đồng	1,769	4,460	1,720	97.2	38.6
	<i>Trong đó:</i>						
	<i>Thương mại</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>445</i>	<i>1,050</i>	<i>420</i>	<i>94.4</i>	<i>40.0</i>
	<i>Dịch vụ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>1324</i>	<i>3,410</i>	<i>1,300</i>	<i>98.2</i>	<i>38.1</i>
IV	CHỈ TIÊU VH, XH - XĐ GIẢM NGHÈO						
1	Dân số						
	- Dân số trung bình	10 ³ người	175.442	175.000	175.442	100.0	100.3
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	0.45	1.10	0.45	100.0	40.9
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	‰	0.20	0.15	0.20	100.0	133.3
	- Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)	%	107.0	110.0	107.0	100.0	97.3
2	Lao động việc làm						
	- Số người trong độ tuổi lao động	Người	109,500	110,463	110,253	100.7	99.8
	- Tổng số người có việc làm mới trong năm	Người	1,618	3,181	1,558	96.3	49.0
	<i>Xuất khẩu lao động</i>	Người	173	320	102	59.0	31.9
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động	%	67.2	72.0	71.3	-	-
3	Giảm nghèo						
	- Tổng số hộ	Hộ	48,741	50,468			
	- Số hộ nghèo theo chuẩn mới	Hộ	2,639	850			
	- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới)	%	5.41	1.68			
4	Y tế, xã hội						
	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi	%	12.5	12.35	12.4	-	-
	- Tỷ lệ xã y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới 2011-2020)	%	100.0	100.0	100.0	-	-
	- Tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế	%	98.8	99.5	99.5	-	-
5	Giáo dục						
a	Số lượng						
	- Quy mô trường	Trường	77.0	75.0	75.0	97.4	100.0
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	42,162.0	43,344.0	43,344.0	102.8	100.0
	+ Mẫu giáo	"	10,224.0	10,177.0	10,177.0	99.5	100.0
	+ Tiểu học	"	16,252.0	16,972.0	16,972.0	104.4	100.0
	+ Trung học cơ sở	"	10,235.0	10,945.0	10,954.0	107.0	100.1
	+ Trung học phổ thông	"	5,451.0	5,250.0	5,250.0	96.3	100.0
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	100.0	100.0	100.0	-	-

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 6 tháng đầu năm 2020	So sánh	
						ƯTH6/2020/TH 6/2019	ƯTH 6/2020/K H 2020
b	Chất lượng						
	- Xã, thị trấn đạt PCGD TH đúng độ tuổi mức độ 3	Xã, TT	24	22	22	91.7	100.0
	- Số xã, thị trấn duy trì đạt phổ cập THCS mức độ 3	Xã, TT	19	22	19	100.0	86.4
	- Phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi	Xã, TT	24	22	22	91.7	100.0
	- Tỷ lệ tốt nghiệp THPT	%	99.5	98.0	-	-	-
c	Cơ sở vật chất						
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	96.0	98.6	97.3	-	-
	Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	72	74	73	101.4	98.6
	Mầm non	Trường	24.0	25.0	24.0	100.0	96.0
	Tiểu học	Trường	24.0	24.0	24.0	100.0	100.0
	Trung học cơ sở	Trường	21.0	22.0	22.0	104.8	100.0
	Trung học phổ thông	Trường	3.0	3.0	3.0	100.0	100.0
	- Tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp học	%	94.2	98.6	98.5	-	-
	+ Mầm non	%	92.0	95.0	95.0	-	-
	+ Tiểu học	%	97.0	98.5	98.5	-	-
	+ Trung học cơ sở	%	98.0	99.0	99.0	-	-
	+ Trung học phổ thông	%	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0
6	Môi trường						
	- Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được thu gom	%	95.0	97.0	98.0	-	-
	- Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được xử lý	%	85.0	95.0	90.0	-	-
	- Tỷ lệ rác thải ở nông thôn được thu gom	%	70.0	85.0	85.0	-	-
	- Tỷ lệ rác thải ở nông thôn được xử lý	%	60.0	75.0	75.0	-	-
	- Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước HVS	%	98.0	55.0	50.0	-	-
	- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước HVS	%	94.0	95.0	95.0	-	-
V	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP						
1	Doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động	DN	9.0	9.0	9.0	100.0	100.0
2	Tổng số doanh nghiệp	DN	302.0	368.0	366.0	121.2	99.5
	<i>Trong đó: Doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	DN	302.0	368.0	366.0	121.2	99.5
3	Số doanh nghiệp thành lập mới trong năm	DN	20.0	25.0	23.0	115.0	92.0
4	Doanh nghiệp nước ngoài đăng ký mới	DN	0.0	1.0	-	-	-
VI	PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ						
1	Tổng số Hợp tác xã	HTX	80.0	104.0	87.0	109	84
	<i>Trong đó thành lập mới</i>	HTX	10	15	5	50	33
VII	PHÁT TRIỂN HỘ DÂN DOANH	Hộ	385.0	650.0	341.0	88.6	52.5

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số ... ngày 06/7/2020 của UBND huyện)



Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 6 tháng đầu năm 2020	So sánh	
						ƯTH6/2020/TH 6/2019	ƯTH 6/2020/KH 2020
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ TỔNG HỢP						
1	Tổng giá trị sản xuất (giá HH)	Tỷ đồng	6,997	14,656	7,108	101.6	48.5
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Tỷ đồng	2,743	4,546	2,899	105.7	63.8
	- Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	2,485	5,650	2,489	100.2	44.1
	- Dịch vụ, thương mại	Tỷ đồng	1,769	4,460	1,720	97.2	38.6
2	Cơ cấu GTSX theo ngành kinh tế	%	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	39.2	31.0	40.8	-	-
	- Công nghiệp-Xây dựng	%	35.5	38.6	35.0	-	-
	- Dịch vụ	%	25.3	30.4	24.2	-	-
3	Giá trị sản xuất bình quân đầu người	Tr.đồng	39.9	83.7	40.5	101.6	48.4
4	Giá trị sản xuất bình quân 1ha canh tác	Tr.đồng	101	162	107	101.0	67.5
5	Thu - chi ngân sách	Tr. đồng					
a)	Thu ngân sách	"	652.3	802.4	718.3	110.1	89.5
	Thu ngân sách trên địa bàn	"	289.4	252.1	136.9	47.3	54.3
	Trong đó: Thu không tính tiền đất	"	55.0	103.9	57.1	103.8	55.0
b)	Chi ngân sách		429.5	780.8	524.9	122.2	67.2
	Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng	98.5	135.0	130.0	132.0	96.3
	Chi thường xuyên	Tỷ đồng	331.0	648.8	394.9	119.3	60.9
6	Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn	Tỷ đồng	1,734	3,560	1,774	102.3	49.8
	- Vốn ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	224	410	224	100.0	54.6
	- Đầu tư của các doanh nghiệp	Tỷ đồng	195	200	140	71.8	70.0
	- Đầu tư trong dân cư	Tỷ đồng	1,315	2,950	1,410	107.2	47.8
B	MỘT SỐ CHỈ TIÊU KT CHỦ YẾU						
I	NÔNG - LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN						
1	Giá trị SX nông, lâm, thủy sản (Giá HH)	Tỷ đồng	2,743	4,546	2,899	105.7	63.8
	- Nông nghiệp	"	2,540	4,138	2,665	104.9	64.4
	+ Trồng trọt	"	1,246	1,890	1,285	103.1	68.0
	+ Chăn nuôi	"	1,230	2,150	1,311	106.6	61.0
	+ Dịch vụ nông nghiệp	"	64	98	69	107.8	70.4
	- Lâm nghiệp	"	17.0	23.0	18.5	108.8	80.4
	- Thủy sản	"	186.0	385.0	215.0	115.6	55.8
2	Diện tích một số cây trồng chủ yếu						
	- Lúa cả năm	Ha	6,062.0	12,630.0	6,030.0	99.5	47.7
	- Ngô lai	Ha	293.0	300.0	208.0	71.0	69.3
	- Khoai tây	Ha	171.0	170.0	260.7	152.5	153.4

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 6 tháng đầu năm 2020	So sánh	
						ƯTH6/2020/TH 6/2019	ƯTH 6/2020/KH 2020
	- Khoai lang	Ha	382.0	716.0	330.0	86.4	46.1
	- Lạc	Ha	1,866.0	2,260.0	1,812.0	97.1	80.2
	- Rau quả thực phẩm các loại	Ha	3,692.5	4,306.0	3,912.0	105.9	90.8
	* Cây vải	Ha	1,329.0	1,300.0	1,329.0	100.0	102.2
3	Lâm nghiệp rừng	Ha	15.0	36.0		0	0
4	Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu						
	- Lúa cả năm	Tấn	35,948	73,250	32,682.0	90.9	44.6
	- Ngô lai	Tấn	937	966	674.0	71.9	69.8
	- Khoai tây	Tấn	2,559	2,045	3,944.4	154.1	192.9
	- Khoai lang	Tấn	4,527	8,363	3,927.0	86.7	47.0
	- Lạc	Tấn	5,017	6,091	4,928.4	98.2	80.9
	- Rau quả thực phẩm các loại	Tấn	57,600	66,398	60,440.0	104.9	91.0
	* Cây Vải	Tấn	14,784	13,500	15,300.0	103.5	113.3
5	Chăn nuôi						
	- Tổng đàn trâu (trung bình năm)	con	3,860.0	3,560.0	3,598.0	93.2	101.1
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	128.0	202.0	119.3	93.2	59.1
	- Tổng đàn bò (trung bình năm)	con	21,450	21,700	23,500	109.6	108.3
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	500.0	960.0	640.0	128.0	66.7
	- Tổng đàn lợn (trung bình năm)	1000con	148.5	201.5	178.6	120.3	88.6
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	20,200	28,500	20,500	101.5	71.9
	- Tổng đàn gia cầm các loại	1000 con	2,280	2,800	2,395	105.0	85.5
	Sản lượng thịt hơi	Tấn	3,600	4,850	3,750	104.2	77.3
	Tổng sản lượng thịt hơi các loại	Tấn	24,428	34,512	25,009	102.4	72.5
6	Thủy sản						
	- Diện tích nuôi, trồng thủy sản	Ha	1,365.0	1,378.0	1,360.0	99.6	98.7
	+ Diện tích thâm canh, bán thâm canh	Ha	1,265.0	1,265.0	1,265.0	100.0	100.0
	+ Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản	Tấn	6,250.0	8,850.0	6,437.5	103.0	72.7
7	XD cánh đồng mẫu	CĐ	22.0	24.0	24.0	109.1	100.0
8	Số xã đạt xã NTM mới	Xã	1.0	5.0	5.0	500.0	100.0
II	CÔNG NGHIỆP - XÂY DỰNG						
1	Giá trị sản xuất CN-TTCN -XD (Giá HH)	Tỷ đồng	2,485	5,650	2,489	100.2	44.1
<i>a)</i>	<i>Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp</i>	"	<i>790.0</i>	<i>1,850.0</i>	<i>769.0</i>	97.3	41.6
	+ Ngoài quốc doanh	"	790.0	1,850.0	769.0	97.3	41.6
<i>b)</i>	<i>Xây dựng</i>	"	<i>1,695</i>	<i>3,800</i>	<i>1,720</i>	<i>101.5</i>	<i>45.3</i>
2	Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu						
	Gạch máy	Triệu v	102.0	146.0	101.1	99.1	69.2
	Sản phẩm may mặc	1000SP	12,500	18,900	11,000	88.0	58.2
III	DỊCH VỤ						

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 6 tháng đầu năm 2020	So sánh	
						ƯTH6/2020/TH 6/2019	ƯTH 6/2020/K H 2020
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ (giá HH)	Tỷ đồng	1,860	4,900.0	2,150.0	115.6	43.9
2	Giá trị thương mại, dịch vụ (giá HH)	Tỷ đồng	1,769	4,460	1,720	97.2	38.6
	<i>Trong đó:</i>						
	<i>Thương mại</i>	Tỷ đồng	445	1,050	420	94.4	40.0
	<i>Dịch vụ</i>	Tỷ đồng	1324	3,410	1,300	98.2	38,1
IV	CHỈ TIÊU VH, XH - XĐ GIẢM NGHÈO						
1	Dân số						
	- Dân số trung bình	10 ³ người	175.442	175.000	175.442	100.0	100.3
	- Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%	0.45	1.10	0.45	100.0	40.9
	- Mức giảm tỷ lệ sinh	%	0.20	0.15	0.20	100.0	133.3
	- Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai so với 100 bé gái)	%	107.0	110.0	107.0	100.0	97.3
2	Lao động việc làm						
	- Số người trong độ tuổi lao động	Người	109,500	110,463	110,253	100.7	99.8
	- Tổng số người có việc làm mới trong năm	Người	1,618	3,181	1,558	96.3	49.0
	<i>Xuất khẩu lao động</i>	Người	173	320	102	59.0	31.9
	- Tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động	%	67.2	72.0	71.3	-	-
3	Giảm nghèo						
	- Tổng số hộ	Hộ	48,741	50,468			
	- Số hộ nghèo theo chuẩn mới	Hộ	2,639	850			
	- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới)	%	5.41	1.68			
4	Y tế, xã hội						
	- Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ dưới 5 tuổi	%	12.5	12.35	12.4	-	-
	- Tỷ lệ xã y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế (theo chuẩn mới 2011-2020)	%	100.0	100.0	100.0	-	-
	- Tỷ lệ người dân có bảo hiểm y tế	%	98.8	99.5	99.5	-	-
5	Giáo dục						
a	Số lượng						
	- Quy mô trường	Trường	77.0	75.0	75.0	97.4	100.0
	- Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	42,162.0	43,344.0	43,344.0	102.8	100.0
	+ Mẫu giáo	"	10,224.0	10,177.0	10,177.0	99.5	100.0
	+ Tiểu học	"	16,252.0	16,972.0	16,972.0	104.4	100.0
	+ Trung học cơ sở	"	10,235.0	10,945.0	10,954.0	107.0	100.1
	+ Trung học phổ thông	"	5,451.0	5,250.0	5,250.0	96.3	100.0
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	100.0	100.0	100.0	-	-

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	Kế hoạch năm 2020	ƯTH 6 tháng đầu năm 2020	So sánh	
						ƯTH6/2020/TH 6/2019	ƯTH 6/2020/K H 2020
b	Chất lượng						
	- Xã, thị trấn đạt PCGD TH đúng độ tuổi mức độ 3	Xã, TT	24	22	22	91.7	100.0
	- Số xã, thị trấn duy trì đạt phổ cập THCS mức độ 3	Xã, TT	19	22	19	100.0	86.4
	- Phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi	Xã, TT	24	22	22	91.7	100.0
	- Tỷ lệ tốt nghiệp THPT	%	99.5	98.0	-	-	-
c	Cơ sở vật chất						
	- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	96.0	98.6	97.3	-	-
	Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	72	74	73	101.4	98.6
	Mầm non	Trường	24.0	25.0	24.0	100.0	96.0
	Tiểu học	Trường	24.0	24.0	24.0	100.0	100.0
	Trung học cơ sở	Trường	21.0	22.0	22.0	104.8	100.0
	Trung học phổ thông	Trường	3.0	3.0	3.0	100.0	100.0
	- Tỷ lệ kiên cố hoá trường lớp học	%	94.2	98.6	98.5	-	-
	+ Mầm non	%	92.0	95.0	95.0	-	-
	+ Tiểu học	%	97.0	98.5	98.5	-	-
	+ Trung học cơ sở	%	98.0	99.0	99.0	-	-
	+ Trung học phổ thông	%	100.0	100.0	100.0	100.0	100.0
6	Môi trường						
	- Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được thu gom	%	95.0	97.0	98.0	-	-
	- Tỷ lệ rác thải ở thị trấn được xử lý	%	85.0	95.0	90.0	-	-
	- Tỷ lệ rác thải ở nông thôn được thu gom	%	70.0	85.0	85.0	-	-
	- Tỷ lệ rác thải ở nông thôn được xử lý	%	60.0	75.0	75.0	-	-
	- Tỷ lệ dân cư thành thị sử dụng nước HVS	%	98.0	55.0	50.0	-	-
	- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước HVS	%	94.0	95.0	95.0	-	-
V	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP						
1	Doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động	DN	9.0	9.0	9.0	100.0	100.0
2	Tổng số doanh nghiệp	DN	302.0	368.0	366.0	121.2	99.5
	<i>Trong đó: Doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	DN	302.0	368.0	366.0	121.2	99.5
3	Số doanh nghiệp thành lập mới trong năm	DN	20.0	25.0	23.0	115.0	92.0
4	Doanh nghiệp nước ngoài đăng ký mới	DN	0.0	1.0	-	-	-
VI	PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ						
1	Tổng số Hợp tác xã	HTX	80.0	104.0	87.0	109	84
	<i>Trong đó thành lập mới</i>	HTX	10	15	5	50	33
VII	PHÁT TRIỂN HỘ DÂN DOANH	Hộ	385.0	650.0	341.0	88.6	52.5